TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 6 - 2022
V/v: Ly hôn

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Quỳnh và bà Cao Thị Hồng Minh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 84/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc: "Ly hôn, trAh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà ***Phạm Thị Thu T***; sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ dân phố 09, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ (Có mặt);

Bị đơn: Ông ***Nguyễn Văn Q***; sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ dân phố 07, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện ngày 07/3/2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Phạm Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu T và ông Nguyễn Văn Q tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại UBND phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân là do ông Q sử dụng ma túy, thường xuyên bỏ nhà đi chơi bời, không quA tâm đến gia đình. Ông Q đã bị Tòa án kết án về tội ma túy, chấp hành hình phạt tù xong ông Q về nhà, nhưng thường xuyên bỏ nhà đi. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà T xin được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà T và ông Q có một con chung là Nguyễn Bảo A - sinh ngày 06/4/2020. Khi ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu

giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án ngày 23/3/2022, bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bầy:

- *Về hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Thu T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại UBND phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau vì ông Q thường xuyên vắng nhà. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông Q nhất trí ly hôn.

- *Về con*: Bà T và ông Q có một con chung là Nguyễn Bảo A - sinh ngày 06/4/2020. Khi ly hôn ông Q nhất trí theo nguyện vọng của bà T về con; bà T sẽ trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản và nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] ***Về thủ tục tố tụng***:

- Về thẩm quyền giải quyết và việc thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 07/3/2022, bà Phạm Thị Thu T nộp đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, trAh chấp nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đối với ông Nguyễn Văn Q, có địa chỉ tại tổ dân phố 07, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ. Ngày 21/3/2022 bà T nộp cho Tòa án biên lai thu tạm ứng án phí; cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà T theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự (*Sau đây ghi tắt là BLTTDS*).

- Các vấn đề khác: Ông Q có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt ông Q theo khoản 1 Điều 227 của BLTTDS.

[2] ***Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn***:

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu T và ông Nguyễn Văn Q cùng sinh năm 1994, hai bên tự nguyện kết hôn vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; khi kết hôn bà T và ông Q đều đã hơn 20 tuổi; đủ điều kiện kết hôn và không thuộc những trường hợp cấm quy định tại Điều 5, Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (*có hiệu lực ở thời điểm kết hôn*); nên cuộc hôn nhân giữa bà T và ông Q là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn bà T và ông Q chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; lý do: Theo bà T thì do ông Q sử dụng ma túy, thường xuyên bỏ nhà đi chơi, không quan tâm đến gia đình; theo ông Q thì do ông Q thường xuyên vắng nhà. Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân của bà T, có xác nhận của tổ trưởng tổ dân phố thể hiện: Bà T và ông Q sinh sống tại số nhà 89, tổ dân phố 07, phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp do ông Q có sử dụng ma túy.

Bà T xin ly hôn, Tòa án đã thông báo cho ông Q biết cùng với việc giao cho ông Q bản sao đơn khởi kiện, bản sao các tài liêu, chứng cứ bà T đã nộp cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành mở các phiên hòa giải, nhưng ông Q đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa bà T và ông Q không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông Q theo Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con: Con chung của bà T và ông Q là Nguyễn Bảo A hiện chưa được 03 tuổi, hiện sinh sống cùng bà T. Bà T có chỗ ở ổn định đủ điều kiện để nuôi con. Nguyện vọng của T về việc được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và Gia đình 2014 nên cần chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung bà T không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Vê tài sản và nợ: Không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[3] ***Về án phí***: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn của mình theo Điều 147 BLTTDS và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 5, 8, 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, trAh chấp nuôi con khi ly hôn" của bà Phạm Thị Thu T:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Thu T và ông Nguyễn Văn Q.

2. Về con: Giao con chung là Nguyễn Bảo A - sinh ngày 06/4/2020 cho bà Phạm Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đề cập giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo các Điều 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Thu T phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (*Ba*

trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001858 ngày 16/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 27/6/2022; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND TP Đ;
- Các đương sự;
- TAD tỉnh Đ;
- Chi cục THADS TP Đ;
- UBND phường N, thành phố Đ (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhung